

Vietnam Daily Review

Khởi sắc đầu tuần

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 5/10/2021		•	
Tuần 4/10-8/10/2021		•	
Tháng 10/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường duy trì xu hướng vận động tích cực trong phiên giao dịch hôm nay. Dòng tiền đầu tư lan tỏa vào thị trường khi có 13/19 nhóm ngành vận động khả quan so với phiên trước. Các nhóm ngành giúp thị trường tăng điểm là: Tài nguyên cơ bản, Tiện ích và Du lịch & giải trí. Độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực với thanh khoản tăng trở lại, cho thấy tâm lý giao dịch phần khởi. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng tại cả 2 sàn HSX và HNX. Với việc dòng tiền nội quay trở lại thị trường, VN-Index có thể hồi phục về ngưỡng 1350 điểm trong các phiên giao dịch tới.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2203, các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 04/10/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm.

Phân tích kỹ thuật: GVR_Tín hiệu hồi phục (Trang 2)

Điểm nhấn

- VN-Index **+4.65** điểm, đóng cửa **1,339.54** điểm. HNX-Index **+4.40** điểm, đóng cửa **360.89** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+2.59)**, **GVR (+1.09)**, **VHM (+0.90)**, **PLX (+0.68)**, **VJC (+0.44)**
- Kéo chỉ số giảm: **CTG (-1.29)**, **VCB (-1.27)**, **TCB (-0.60)**, **VPB (-0.58)**, **VIB (-0.42)**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **21,335 tỷ đồng**, **+ 17.3%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **22,880 tỷ đồng**.
- Biên độ dao động là **14** điểm. Thị trường có **224** mã tăng, **46** mã tham chiếu và **179** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-343.56** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **CTG (-139.7 tỷ)**, **HPG (-128.4 tỷ)**, **STB (-37.4 tỷ)** . Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-4.80** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1339.54**

Giá trị: 21335.79 tỷ **4.65 (0.35%)**

Khối ngoại (ròng): -343.56 tỷ

HNX-INDEX **360.89**

Giá trị: 0 tỷ **4.4 (1.23%)**

Khối ngoại (ròng): -4.8 tỷ

UPCOM-INDEX **96.18**

Giá trị: 2284 tỷ **0.2 (0.21%)**

Khối ngoại (ròng): -11.79 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	76.0	0.09%
Giá vàng	1,754	-0.40%
Tỷ giá USD/VND	22,759	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	26,432	0.18%
Tỷ giá JPY/VND	20,476	-0.05%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	9.53%
LS TPCP 5 năm	1.0%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GAS	80.0	CTG	139.7
VHM	53.2	HPG	128.4
DHC	45.8	STB	37.4
DCM	26.7	DGC	28.9
PLX	18.4	VRE	22.3
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật
GVR_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD có dấu hiệu đảo chiều.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: GVR đang nằm trong xu hướng hồi phục từ ngưỡng đáy ngắn hạn 36.0 Thanh khoản cổ phiếu tuy nằm dưới ngưỡng trung bình 20 phiên nhưng đang có xu hướng tăng trở lại. Đồng thời, đường giá cổ phiếu đang kiểm tra lại ngưỡng MA20, cho thấy xu hướng tăng giá ngắn hạn sắp hình thành. Chỉ báo MACD đang có dấu hiệu chuyển sang xu hướng tích cực và chỉ báo RSI đang ủng hộ xu hướng tăng giá này. Nhà đầu tư có thể mở vị thế quanh ngưỡng giá 37.0, chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng 44.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 36.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

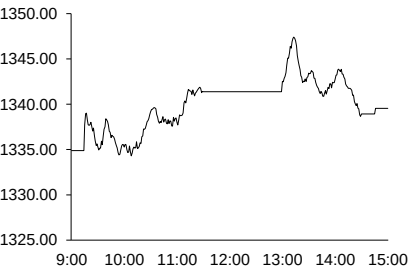
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	3.88%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.04%
Du lịch và Giải trí	2.67%
Bảo hiểm	2.39%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.74%
Dầu khí	1.56%
Hóa chất	1.28%
Công nghệ Thông tin	0.98%
Thực phẩm và đồ uống	0.86%
Bất động sản	0.32%
Truyền thông	0.29%
Xây dựng và Vật liệu	0.27%
Viễn thông	0.00%
Y tế	-0.03%
Bán lẻ	-0.05%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.13%
Ô tô và phụ tùng	-0.16%
Ngân hàng	-1.36%
Dịch vụ tài chính	-1.79%

Hình 1

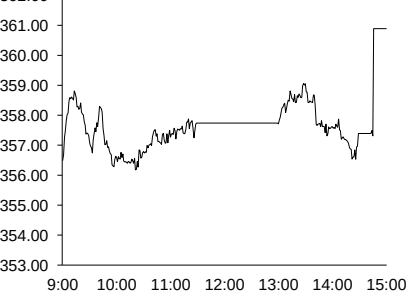
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

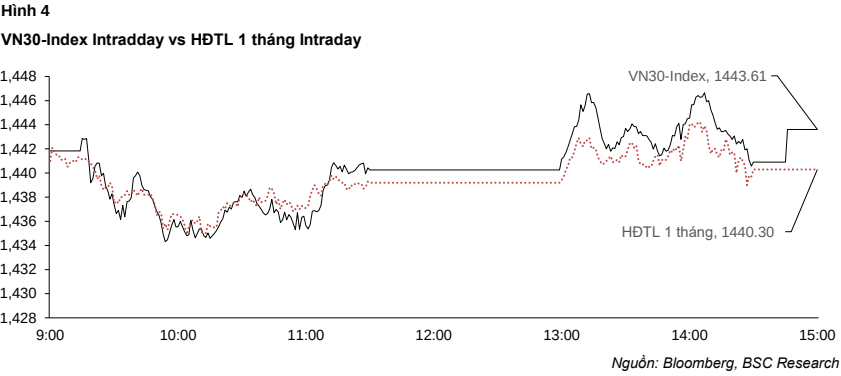
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
1/10/2021	CII	18.5	20.5	17.7	18.65	3	0.81%	Có thể tiếp tục mua
30/9/21	EVG	12.15	14	11.2	13.15	4	8.23%	Có thể tiếp tục mua
29/9/21	NT2	20.8	23.5	20	22	5	5.77%	Có thể tiếp tục mua
28/9/21	HPG	52.6	61.2	50.2	55.5	6	5.51%	Có thể tiếp tục mua
24/9/21	TCH	18.05	21	17	17.5	10	-3.05%	Có thể tiếp tục mua
20/9/21	VNM	88.7	95	85	90.2	14	1.69%	Có thể tiếp tục mua
15/9/21	VRE	28.55	32	27	28.25	19	-1.05%	Có thể giữ nguyên vị thế
13/9/21	KDH	41.25	45.5	39.5	41.1	21	-0.36%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/9/2021	AST	51.8	60	48.5	55.5	25	7.14%	Có thể tiếp tục mua
31/8/21	PVS	24.96	30.84	23.61	28	34	12.18%	Có thể tiếp tục mua
17/8/21	POM	15.9	20	14	17.35	48	9.12%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/8/2021	FCN	13.35	17	12.15	14.55	53	8.99%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
23/9/21	LHG	50.8	59	48.5	SL	5	-4.53%
22/9/21	PNJ	93.1	100.2	90.8	SL	6	-2.47%
21/9/21	MIG	25.75	29.5	23.75	SL	6	-7.77%
17/9/21	PTB	105.9	115.4	98.45	TP	14	8.97%
16/9/21	BMI	35.8	38	34	TP	5	6.15%
14/9/21	PXS	6.24	7.2	5.8	TP	9	15.38%
8/9/2021	SGT	22.6	26.5	19.75	TP	7	17.26%
7/9/2021	HVN	22.1	25	20.5	TP	3	13.12%
6/9/2021	HAX	23.15	27.5	21.5	SL	3	-7.13%
1/9/2021	PHP	33.2	40.5	27	SL	8	-18.67%
30/8/21	APH	53.7	67	47	SL	10	-12.48%
27/8/21	HBC	13.81	16.19	12.86	TP	38	17.23%
26/8/21	VTO	10.15	12	9.3	TP	12	18.23%
25/8/21	POW	11.25	13.5	10.5	TP	-4	20.00%
24/8/21	BMC	17.65	20	16	TP	6	13.31%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	9	3	6.61%	-1.49%	4.58%	20
Cổ phiếu đã chốt	190	127	14.07%	-7.88%	5.28%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2110	1440.30	-0.05%	-3.31	-23.9%	137,078	10/21/2021	19
VN30F2111	1438.40	-0.10%	-5.21	-27.7%	258	11/18/2021	47
VN30F2112	1435.10	-0.15%	-8.51	400.0%	25	12/16/2021	75
VN30F2203	1439.40	0.18%	-4.21	41.0%	55	3/17/2022	166

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng nhẹ +1.78 điểm lên 1441.83 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, FPT, VJC, VHM, MSN tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1435-1445 điểm. VN30 có thể vận động tăng trong những phiên tiếp theo.
- Ngoại trừ VN30F2203, các HDTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2110 và VN30F2111 đang giảm, trong khi VN30F2112 và VN30F2203 đang tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2203, các hợp đồng đều giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2109	1/10/2022	98	1:1	290,600	38.17%	4,000	6,500	18.18%	4,950	1.31	59,000	55,000	55,500
CVJC2101	1/6/2022	94	5:1	224,200	24.03%	3,550	3,870	11.21%	2,975	1.30	137,750	120,000	131,800
CHPG2111	1/6/2022	94	5:1	1,825,100	38.17%	1,700	2,910	8.58%	1,850	1.57	56,500	48,000	55,500
CHPG2112	12/27/2021	84	6:1	232,600	38.17%	1,900	2,260	7.62%	1,395	1.62	#N/A	48,900	55,500
CHPG2110	12/6/2021	63	5:1	971,600	38.17%	2,400	3,060	4.79%	2,416	1.27	56,000	44,000	55,500
CVRE2106	1/6/2022	94	2:1	481,100	38.28%	2,300	2,030	4.10%	1,236	1.64	39,500	28,000	28,250
CPNJ2105	1/6/2022	94	5:1	501,900	31.54%	3,300	2,250	2.27%	1,787	1.26	26,000	9,500	98,800
CMSN2105	1/6/2022	94	5:1	295,400	40.48%	5,000	4,600	2.22%	3,972	1.16	153,000	128,000	141,200
CFPT2104	12/6/2021	63	9.89:1	250,700	32.19%	3,000	2,580	1.57%	1,670	1.54	110,000	80,000	94,600
CVNM2109	1/6/2022	94	5:1	744,000	25.99%	2,150	1,620	1.25%	646	2.51	105,750	95,000	90,200
CMWG2107	1/6/2022	94	5:1	246,700	36.33%	6,600	7,100	1.14%	199	35.74	198,000	165,000	126,200
CFPT2105	1/6/2022	94	4.95:1	1,048,400	32.19%	3,500	3,710	0.27%	2,533	1.46	103,500	86,000	94,600
CMWG2104	3/22/2022	169	10:1	103,300	36.33%	2,400	6,750	0.00%	998	6.76	159,000	135,000	126,200
CMWG2106	1/7/2022	95	10:1	359,400	36.33%	3,000	3,380	-0.29%	35	96.93	210,000	180,000	126,200
CTCB2105	5/4/2022	212	5:1	170,900	38.58%	3,600	3,250	-1.52%	1,595	2.04	63,000	45,000	48,350
CMBB2104	1/19/2022	107	2:1	418,500	38.60%	2,900	1,590	-2.45%	415	3.84	37,800	32,000	27,100
CTCB2106	1/19/2022	107	5:1	1,049,200	38.58%	2,000	1,350	-3.57%	390	3.46	65,000	55,000	48,350
CVIC2105	1/6/2022	94	4.44:1	545,700	33.75%	3,250	1,410	-4.73%	1,154	1.22	136,250	120,000	87,800
CVPB2106	1/19/2022	107	5:1	739,300	38.73%	2,500	2,480	-5.34%	955	2.60	77,500	65,000	63,000
CSTB2105	1/10/2022	98	1:1	265,200	45.94%	4,000	2,270	-20.07%	723	3.14	34,000	30,000	24,300
Tổng				10,473,200	35.36%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 04/10/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm.
- CPNJ2106 và CHPG2109 tăng mạnh lần lượt là 35.11% và 18.18%. Trái lại, CSTB2105 và CMWG2108 giảm mạnh lần lượt là -20.07% và -14.26%. Giá trị giao dịch giảm -18.66%. CHPG2111 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.24% thị trường.
- CMSN2105, CVIC2105, CPNJ2105, CHPG2110, và CVJC2101 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMWG2104, CHPG2111, và CHPG2109 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMSN2105, CVJC2101, và CMSN2104 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	126.2	0.0%	0.9	3,912	11.9	6,428	19.6	4.9	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	98.8	-0.2%	1.0	977	1.9	5,812	17.0	3.9	48.3%	25.3%
BVH	Bảo hiểm	59.5	2.8%	1.4	1,920	8.2	2,522	23.6	2.1	26.7%	9.2%
PVI	Bảo hiểm	46.7	1.1%	0.5	454	1.3	3,491	13.4	1.4	55.0%	10.8%
VIC	Bất động sản	87.8	0.1%	0.7	14,526	6.0	1,767	49.7	3.7	13.8%	7.7%
VRE	Bất động sản	28.3	0.2%	1.1	2,791	4.3	1,195	23.6	2.1	29.7%	9.3%
VHM	Bất động sản	78.0	1.3%	1.0	14,767	13.8	7,714	10.1	3.5	22.9%	40.2%
DXG	Bất động sản	19.0	1.1%	1.3	492	2.6	1,379		1.3	28.9%	11.0%
SSI	Chứng khoán	38.6	-1.5%	1.5	1,649	17.0	1,861	20.7	3.4	44.6%	16.5%
VCI	Chứng khoán	55.7	-3.5%	1.0	806	14.9	3,466	16.1	3.5	20.1%	25.4%
HCM	Chứng khoán	48.3	-4.4%	1.6	641	12.1	2,899	16.7	3.1	47.7%	19.4%
FPT	Công nghệ	94.6	1.8%	0.9	3,732	9.3	4,234	22.3	5.1	49.0%	24.1%
FOX	Công nghệ	81.9	-0.7%	0.4	1,169	0.1	4,304	19.0	5.7	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	104.0	0.5%	1.3	8,654	19.0	4,077	25.5	4.3	2.5%	16.2%
PLX	Dầu khí	53.8	3.7%	1.5	2,972	8.7	3,216	16.7	2.7	17.6%	17.9%
PVS	Dầu khí	28.0	-2.4%	1.7	582	18.3	1,136	24.7	1.1	8.0%	4.4%
BSR	Dầu khí	20.6	2.0%	0.8	2,777	21.3	(909)		2.1	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	99.6	-0.2%	0.3	566	0.1	5,761	17.3	3.8	54.4%	22.8%
DPM	Hóa chất	37.5	-1.6%	0.8	638	13.4	2,903	12.9	1.7	9.9%	13.6%
DCM	Hóa chất	28.4	0.7%	0.7	654	7.9	1,169	24.3	2.2	3.0%	9.4%
VCB	Ngân hàng	94.6	-1.4%	1.1	15,255	3.8	5,534	17.1	3.3	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	38.9	0.3%	1.3	6,802	1.8	2,464	15.8	1.9	16.6%	12.6%
CTG	Ngân hàng	28.7	-3.5%	1.4	5,997	25.4	3,417	8.4	1.5	24.6%	19.0%
VPB	Ngân hàng	63.0	-1.4%	1.2	6,765	31.1	5,052	12.5	2.6	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	27.1	-1.3%	1.2	4,452	14.4	2,764	9.8	1.9	23.2%	21.5%
ACB	Ngân hàng	31.0	-1.6%	1.0	3,642	7.6	3,589	8.6	2.1	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	51.9	-1.9%	0.7	185	0.3	4,762	10.9	1.8	83.9%	16.4%
NTP	Nhựa	49.1	-3.0%	0.4	251	0.1	4,085	12.0	2.1	18.7%	18.3%
MSR	Tài nguyên	22.9	7.0%	0.7	1,094	1.4	39	587.2	1.8	10.1%	0.3%
HPG	Thép	55.5	3.9%	1.1	10,793	108.2	5,616	9.9	3.4	25.9%	39.8%
HSG	Thép	48.7	4.1%	1.4	1,044	30.4	7,745	6.3	2.4	11.8%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	90.2	0.4%	0.6	8,196	12.1	4,572	19.7	6.0	54.7%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	155.0	0.5%	0.8	4,322	0.3	7,293	21.3	4.8	62.7%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	141.2	0.9%	0.9	7,247	3.0	1,787	79.0	7.8	32.4%	9.4%
SBT	Tiêu dùng	20.9	-1.2%	1.2	572	2.7	1,070	19.5	1.7	9.8%	8.5%
ACV	Vận tải	85.0	2.4%	0.8	8,045	0.4	577	147.3	4.9	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	131.8	2.3%	1.1	3,104	5.9	279		4.2	17.6%	0.9%
HVN	Vận tải	25.9	4.0%	1.7	2,498	1.1	(7,644)		N/A	N/A	-155.4%
GMD	Vận tải	49.3	1.2%	1.0	646	5.6	1,357	36.3	2.4	41.7%	6.7%
PVT	Vận tải	24.0	3.0%	1.4	338	7.3	2,487	9.6	1.6	13.6%	17.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	127.5	0.8%	0.9	887	1.9	9,519	13.4	4.8	3.7%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	33.0	-1.2%	0.4	643	0.8	2,098	15.7	2.3	4.3%	14.4%
HT1	Vật liệu xây dựng	23.7	0.0%	0.9	393	6.0	1,653	14.3	1.6	3.1%	11.3%
CTD	Xây dựng	70.0	4.0%	1.0	225	1.6	2,005	34.9	0.6	44.8%	1.8%
CII	Xây dựng	18.7	0.8%	0.6	194	3.4	127	147.0	0.9	22.0%	0.6%
REE	Điện	69.8	5.9%	-1.4	938	7.6	5,807	12.0	1.8	49.0%	15.8%
PC1	Điện	39.4	1.7%	-0.4	327	3.4	3,445	11.4	1.7	8.6%	17.5%
POW	Điện	12.7	3.7%	0.6	1,288	17.6	1,079	11.7	1.0	3.0%	8.7%
NT2	Điện	22.0	6.8%	0.5	275	3.4	1,093	20.1	1.5	13.6%	7.3%
KBC	Khu công nghiệp	42.7	0.0%	1.1	872	17.4	1,808	23.6	2.0	17.6%	8.6%
BCM	Khu công nghiệp	44.5	1%	1.0	2,003	0.1			3.0	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	55.50	3.93	2.53	45.36MLN
GVR	37.10	2.77	1.08	3.46MLN
VHM	78.00	1.30	0.90	4.10MLN
PLX	53.80	3.66	0.66	3.73MLN
VJC	131.80	2.33	0.44	1.04MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
CTG	0.00	-1.36	20.18MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-1.30	913400	607060
TCB	0.00	-0.61	9.51MLN	373600
VPB	0.00	-0.60	11.43MLN	192700
VIB	0.00	-0.44	2.27MLN	611640

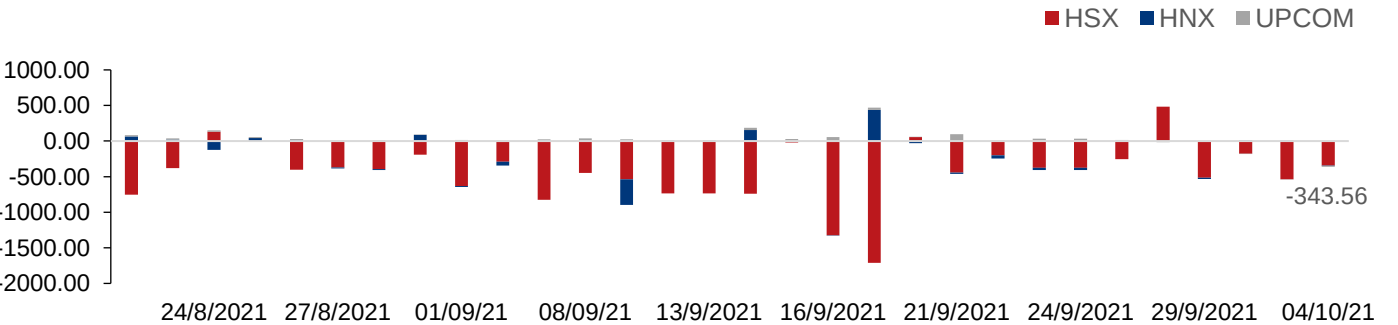
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DHC	88.80	6.99	0.11	3.32MLN
CHP	20.70	6.98	0.05	127500
COM	43.80	6.96	0.01	100
SJD	20.80	6.94	0.03	1.11MLN
ANV	31.00	6.90	0.07	1.29MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SC5	25.35	-9.46	-0.01	500
TGG	43.95	-6.98	-0.02	1.44MLN
VPH	6.75	-6.90	-0.01	2.64MLN
HRC	57.00	-6.86	-0.03	1700
TDH	10.55	-6.64	-0.02	6.63MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	31.0	3,589	8.6	2.1	Click
2	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
3	ANV	Thủy sản	Mua	27/6/21	32.4	38.7	31.0	1,686	18.4	1.6	Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	11.6	566	20.5	1.1	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	10.2	-411		0.9	Click
6	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	55.0	3,949	13.9	2.3	Click
7	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	28.7	3,417	8.4	1.5	Click
8	DBC	Bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	71.3	59.2	10,677	5.5	1.5	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	28.4	1168.9	24.3	2.2	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	153.9	5,868	26.2	5.9	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	117.0	4,602	25.4	7.4	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	56.8	4,905	11.6	3.0	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	37.5	2,903	12.9	1.7	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	32.7	2,868	11.4	2.3	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	19.0	1,379		1.3	Click
16	FPT	Viễn thông	Mua	18/8/21	93.8	107.0	94.6	4,234	22.3	5.1	Click
17	GAS	Dầu khí	mua	6/9/21	90.4	109.4	104.0	4,077	25.5	4.3	Click
18	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	37.1	1,180	31.4	3.1	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	55.5	5,616	9.9	3.4	Click
20	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	48.7	7,745	6.3	2.4	Click
21	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	10.6	-1,169		1.0	Click
22	ITD	Công nghệ	Mua	17/9/21	19.9	22.0	20.5	1,860	11.0	1.4	Click
23	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	n/a	41.1	1,966	20.9	3.0	Click
24	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	51.9	6,776	7.7	1.8	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	87.6	6,547	13.4	3.1	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	118.9	140.4	126.2	6,428	19.6	4.9	Click
27	NKG	Thép	Theo dõi	1/9/21	39.5	46.5	47.8	6,786	7.0	2.2	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	5/8/21	43.8	46.4	41.6	3,926	10.6	1.8	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.0	1,093	20.1	1.5	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	39.4	3,445	11.4	1.7	Click
31	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	98.8	5,812	17.0	3.9	Click
32	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.7	1,079	11.7	1.0	Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	23.0	0	1045.1	0.7	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	28.0	1,136	24.7	1.1	Click
35	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	20.9	1,070	19.5	1.7	Click
36	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	35.3	1,064	33.2	3.6	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	52.0	15635.6	3.3	1.4	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	48.4	4,613	10.5	2.0	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	94.6	5,534	17.1	3.3	Click
40	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	19.3	570	33.9	1.6	Click
41	VHC	Thủy sản	Mua	6/9/21	49.6	61.0	54.2	4,035	13.4	1.8	Click
42	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	78.0	7,714	10.1	3.5	Click
43	VNM	Bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	90.2	4,572	19.7	6.0	Click
44	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	63.0	5,052	12.5	2.6	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	28.3	1,195	23.6	2.1	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	59.5	5,006	11.9	1.7	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	83.1	3,256	25.5	7.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
2	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
5	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
8	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
10	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
11	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
12	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
13	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
15	Banking Sector Outlook		x	Click
16	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
18	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
19	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
20	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
21	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
22	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
23	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
24	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
25	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
26	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
28	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
29	Fishery Outlook 2021		x	Click
30	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
31	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
32	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
34	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
35	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
36	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
38	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
39	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
40	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639